

Nghi Xuân, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Số: 87/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phan Anh T - Sinh năm: 1986

Bị đơn: Chị Trần Thị Tố N - Sinh năm: 1991

Cùng trú tại: Thôn Xuân Á, xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 7 Điều 48, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phan Anh T và chị Trần Thị Tố N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Anh T và chị Trần Thị Tố N thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các đương sự thống nhất: Anh Phan Anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Anh S, sinh ngày 07/9/2014 và chị Trần Thị Tố N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Anh T, sinh ngày 17/12/2015 đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Ngoài ra anh Phan Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Trần Thị Tố N mỗi tháng 5.500.000đồng (*năm triệu năm trăm ngàn đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Trần Thị Tố N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Phan Anh T không chịu đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc đóng không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền

lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3, 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 điều 3, khoản 1 điều 6, điểm a khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 26 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Phan Anh T tự nguyện nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn*) án phí cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn anh Phan Anh T đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000201 ngày 19/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS tỉnh; TAND tỉnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- CCTHADS huyện Nghi Xuân;
- UBND xã Xuân Viên, H. Nghi Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ, ĐÓNG DẤU)

Phạm Huy Bình